

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2509 /STP-HC&BTTP

Kiên Giang, ngày 20 tháng 10 năm 2022

V/v đề nghị đăng tải dự thảo
Nghị quyết quy định lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại
Cổng thông tin điện tử của tỉnh

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện Công văn số 1790/UBND-TH ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc rà soát, đăng ký và chuẩn bị các nội dung tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022. Sở Tư pháp đã ban hành Tờ trình số 2421/TTr-STP ngày 11/10/2022 trình Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Tư pháp đã dự thảo Nghị quyết quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, dự kiến trình tại Kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2022.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 120 và Điều 129 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải dự thảo Nghị quyết do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến theo quy định./.

(Gửi kèm công văn này là dự thảo Nghị quyết quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang). *Thc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- P.HC&BTTP;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Khái

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Nghị quyết quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban ... Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu và nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đăng ký hộ tịch và lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Lệ phí hộ tịch là khoản thu đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật, không bao gồm việc cấp bản sao trích lục hộ tịch (bản sao trích lục hộ tịch thực hiện thu phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch).

3. Đối tượng nộp

Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thu

- a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (cấp huyện);
- b) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã).

5. Mức thu

5.1. Lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Mức thu
1	Đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	8.000
2	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	8.000
3	Đăng ký lại kết hôn	30.000

4	Nhận cha, mẹ, con	15.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước	15.000
6	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	15.000
7	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	8.000
9	Đăng ký hộ tịch khác	8.000

5.2. Lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mức thu
1	Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	75.000
2	Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử	75.000
3	Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn	1.500.000
4	Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ	75.000
5	Nhận cha, mẹ, con	1.500.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	28.000
7	Xác định lại dân tộc	28.000
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	75.000
9	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	75.000
10	Đăng ký hộ tịch khác	75.000

6. Đối tượng miễn

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi; trẻ em.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

c) Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định pháp luật.

7. kê khai, thu, nộp, quyết toán lệ phí

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu lệ phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

8. Quản lý lệ phí thu được

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;

CHỦ TỊCH

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.